

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12-3-2024

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Thuỷ Phúc;
- Bà Trần Thị Bích Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, xác định con, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Ngọc Lê N, sinh năm: 1988. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: 67 N, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Huỳnh Ngọc Lê N trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh Huỳnh Ngọc Lê N và chị Trần Thị Mỹ D tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và đi đến chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 25 tháng 4 năm 2018, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình chung sống đến tháng 9/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh

Huỳnh Ngọc Lê N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ D.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng giữa anh N chị D có 01 người con chung là Trần Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 22/11/2019. Tuy nhiên, do không có đăng ký kết hôn nên cháu Đ mang họ của chị D và phần họ tên cha trong giấy khai sinh cháu Đ để trống. Hiện nay, cháu Đ đang sống với anh N. Để đảm bảo quyền lợi của cháu Đ, anh N yêu cầu xác định cháu Đ là con ruột của anh N với chị D. Ly hôn anh N yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2024 bị đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:*

+ Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị D với anh N thì chị D thống nhất như lời trình bày của anh N. Chị Trần Thị Mỹ D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên yêu cầu Toà án không công nhận chị Trần Thị Mỹ D và anh Huỳnh Ngọc Lê N là vợ chồng.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị D và anh N có 01 người con chung là Trần Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 22/11/2019. Tuy nhiên, do không có đăng ký kết hôn nên cháu Đ mang họ của chị D và phần họ tên cha trong giấy khai sinh cháu Đ để trống. Hiện nay, cháu Đ đang sống với anh N. Để đảm bảo quyền lợi của cháu Đ, chị D xác định cháu Đ là con ruột của anh N với chị D. Ly hôn chị D đồng ý giao cháu Đ cho anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh N giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên. Chị D vắng mặt và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23/02/2024 chị D giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp “không công nhận vợ chồng” và bị đơn cư trú tại huyện P, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ vào Điều 9, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên bố anh Huỳnh Ngọc Lê N và chị Trần Thị Mỹ D không phải là vợ chồng.

+ Về con chung:

Xác định anh Huỳnh Ngọc Lê N là cha đẻ của cháu Trần Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 22/11/2019 do chị Trần Thị Mỹ D sinh ra.

Giao cháu Trần Huỳnh Linh Đ cho anh Huỳnh Ngọc Lê N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý và chị Trần Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Anh Huỳnh Ngọc Lê N và chị Trần Thị Mỹ D đều không yêu cầu, nên vấn đề này sẽ được xem xét trong một vụ án khác, nếu các bên đương sự có yêu cầu.

+ Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc anh Huỳnh Ngọc Lê N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Huỳnh Ngọc Lê N khởi kiện yêu cầu “Ly hôn, xác định con, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh N và chị D đều xác định là vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “không công nhận vợ chồng”; người bị kiện cư trú tại huyện P, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 1, 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh B.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn chị Trần Thị Mỹ D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Ngọc Lê N và chị Trần Thị Mỹ D tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và đi đến chung sống như vợ chồng vào ngày 25/4/2018 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo

quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Như vậy, việc kết hôn của anh N và chị D đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không có giá trị về mặt pháp lý. Anh Huỳnh Ngọc Lê N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị Mỹ D. Chị Trần Thị Mỹ D yêu cầu không công nhận là vợ chồng. Do vậy, không công nhận anh Huỳnh Ngọc Lê N và chị Nguyễn Thị Mỹ D là vợ chồng là phù hợp với quy định tại các điều 9, 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Huỳnh Ngọc Lê N và chị Trần Thị Mỹ D đều xác định trong thời gian chung sống như vợ chồng có 01 người con là Trần Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 22/11/2019. Tuy nhiên, do không đăng ký kết hôn nên cháu Đ mang họ mẹ (họ của chị D) và phần họ tên cha trong Giấy khai sinh của cháu Đ bỏ trống.

[2.2.1] Về yêu cầu xác định cha cho con của anh N: Xét lời khai của anh N và chị D phù hợp với tài liệu, chứng cứ là Giấy khai sinh số 01 ngày 01/12/2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện P cấp cho Trần Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 22/11/2019 (bản sao) và Kết luận giám định AND số: 72/052022 ngày 24/5/2022 của Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ GEN của V (bản chính). Do vậy, anh Huỳnh Ngọc Lê N là cha đẻ của cháu Trần Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 22/11/2019 do chị Trần Thị Mỹ D sinh ra là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các điều 88, 89 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được chấp nhận.

[2.2.2] Về yêu cầu nuôi con của anh N: Quá trình giải quyết vụ án anh N và chị D thông nhất giao cháu Đ cho anh N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý. Do vậy, giao cháu Đ cho anh N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý là phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 15, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được chấp nhận.

[2.2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên kia. Khi cần thiết chị D, anh N có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Huỳnh Ngọc Lê N và chị Trần Thị Mỹ D đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Huỳnh Ngọc Lê N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003927 ngày 28/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Anh N đã nộp xong.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 88; Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Ngọc Lê N.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Huỳnh Ngọc Lê N và chị Trần Thị Mỹ D là vợ chồng.

2. Về con chung:

2.1. Xác định anh Huỳnh Ngọc Lê N, sinh năm: 1988; nơi cư trú: thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định là cha đẻ của cháu Trần Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 22/11/2019 do chị Trần Thị Mỹ D sinh ra ngày 22/11/2019.

2.2. Giao cháu Trần Huỳnh Linh Đ, sinh ngày 22/11/2019 cho anh Huỳnh Ngọc Lê N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Ngọc Lê N không yêu cầu, nên không xét.

2.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên kia. Khi cần thiết chị D, anh N có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh Huỳnh Ngọc Lê N và chị Trần Thị Mỹ D đều không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Anh Huỳnh Ngọc Lê N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số : 0003927 ngày 28/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ , tỉnh Bình Định. Anh N đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Huỳnh Ngọc Lê N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Trần Thị Mỹ D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H.Phù Mỹ;
- TAND tỉnh Bình Định;
- UBND thị trấn Bình Dương;
- Các đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ;
- Lưu VP- HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Tùng